

# Điểm thi vào 10 chuyên Sinh THPT chuyên Gia Lai năm 2018

Danh sách điểm thi vào 10 chuyên Sinh:

| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI      |             |                  |                     |            |         |          | BẢNG GHI ĐIỂM THI      |                           |                |         |             |                  |          | Hội đồng chấm thi |         |          |       |       |  |  | Phòng thi số: 19 |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------------------|-------------|------------------|---------------------|------------|---------|----------|------------------------|---------------------------|----------------|---------|-------------|------------------|----------|-------------------|---------|----------|-------|-------|--|--|------------------|--|--|--|--|--|--|
| KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN |             |                  |                     |            |         |          | MÔN: SINH HỌC (Chuyên) |                           |                |         |             |                  |          |                   |         |          |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| NĂM HỌC 2018 - 2019                 |             |                  |                     |            |         |          |                        |                           |                |         |             |                  |          |                   |         |          |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| STT                                 | Số báo danh | Họ và tên        | Ngày tháng năm sinh | Giới tính  | Dân tộc | Nơi sinh | Học sinh trường THCS   | SL TN                     | Điểm TNM lớp 9 | Điểm KK | Điểm cơ bản | Nguyên vọng1 Môn | Điểm TB  | Nguyên vọng2 Môn  | Điểm TB | Điểm thi | Gh    |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 1                                   | S K 0006    | Mai Quang        | An                  | 21/07/2003 | Nam     | Kinh     | Đà Nẵng                | Nguyễn Du, Pleiku         | K              | 7.8     | 5.0         | Sinh học         | 8.4      |                   |         | 2.50     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 2                                   | H S 0013    | Đàm Quang        | Anh                 | 14/03/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Phú, Pleiku          | G              | 8.6     | 10.0        | Hóa học          | 9.2      | Sinh học          | 8.7     | 3.50     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 3                                   | H S 0033    | Nguyễn Hải       | Anh                 | 03/09/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Tôn Đức Thắng, Pleiku     | G              | 8.5     | 10.0        | Hóa học          | 8.7      | Sinh học          | 8.0     | 4.25     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 4                                   | L S 0034    | Nguyễn Nhu       | Anh                 | 26/11/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G              | 9.0     | 10.0        | Vật lí           | 9.2      | Sinh học          | 9.3     | 7.50     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 5                                   | H S 0045    | Phan Ngọc        | Anh                 | 13/01/2003 | Nữ      | Kinh     | Gia Lai                | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G              | 9.0     | 10.0        | Hóa học          | 9.8      | Sinh học          | 9.7     | 3.25     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 6                                   | S K 0063    | Huỳnh Quốc       | Bảo                 | 03/11/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G              | 9.0     | 10.0        | Sinh học         | 9.7      |                   |         | 6.75     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 7                                   | H S 0067    | Phan Duy         | Bảo                 | 03/12/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Phú, Pleiku          | G              | 9.1     | 10.0        | Hóa học          | 9.7      | Sinh học          | 9.8     | 5.50     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 8                                   | S K 0081    | Trần Hải         | Bình                | 03/04/2003 | Nam     | Kinh     | Bình Phước             | Chu Văn An, Chư Prông     | G              | 8.5     | 1.5         | 11.5             | Sinh học | 9.4               |         | 9.25     | Nhĩ S |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 9                                   | S K 0092    | Bùi Thị Ngọc     | Chi                 | 17/03/2003 | Nữ      | Kinh     | Gia Lai                | Nguyễn Du, Pleiku         | G              | 8.8     | 10.0        | Sinh học         | 9.1      |                   |         | 6.63     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 10                                  | H S 0098    | Lê Quang         | Chiến               | 20/11/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G              | 8.8     | 10.0        | Hóa học          | 9.4      | Sinh học          | 9.2     | 3.50     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 11                                  | S T 0105    | Đỗ Thành         | Công                | 29/11/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Nguyễn Chí Thanh, Ia Grai | G              | 9.0     | 10.0        | Sinh học         | 9.7      | Toán              | 9.5     | 7.13     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 12                                  | S K 0110    | Lê Hữu Duy       | Cường               | 23/05/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Phú, Pleiku          | G              | 8.6     | 10.0        | Sinh học         | 9.2      |                   |         | 3.88     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 13                                  | S H 0112    | Tô Thanh         | Cường               | 23/07/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Thị trấn Phú Hòa, Chư Páh | G              | 8.8     | 10.0        | Sinh học         | 9.4      | Hóa học           | 9.0     | 6.13     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 14                                  | S K 0126    | Hà Tiến          | Dũng                | 03/12/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Phú, Pleiku          | G              | 8.6     | 0.5         | 10.5             | Sinh học | 9.0               |         | 8.75     | KK S  |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 15                                  | S T 0134    | Nguyễn Trần Quý  | Duy                 | 22/01/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Quốc Tuấn, Đăk Pơ    | G              | 8.6     | 10.0        | Sinh học         | 8.9      | Toán              | 7.9     | 9.13     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 16                                  | S H 0147    | Huỳnh Thái       | Dương               | 20/08/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Phú, Pleiku          | G              | 8.7     | 10.0        | Sinh học         | 9.3      | Hóa học           | 8.4     | 6.88     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 17                                  | H S 0149    | Nguyễn Anh       | Dương               | 20/06/2003 | Nữ      | Kinh     | Gia Lai                | Nguyễn Văn Cừ, Pleiku     | G              | 8.8     | 10.0        | Hóa học          | 9.5      | Sinh học          | 8.8     | 1.75     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 18                                  | S K 0168    | Nguyễn Tiến      | Đạt                 | 09/01/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Trần Phú, Pleiku          | G              | 8.4     | 10.0        | Sinh học         | 9.3      |                   |         | 7.75     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 19                                  | S K 0174    | Vũ Tiến          | Đạt                 | 11/10/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Nguyễn Du, Pleiku         | G              | 8.4     | 8.0         | Sinh học         | 9.3      |                   |         | 4.25     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 20                                  | H S 0175    | Vũ Tiến          | Đạt                 | 20/04/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Chu Văn An, Đăk Pơ        | G              | 8.8     | 10.0        | Hóa học          | 9.5      | Sinh học          | 9.6     | 4.88     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 21                                  | S K 0180    | Phạm Hữu         | Đoàn                | 02/08/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Nguyễn Văn Cừ, Pleiku     | G              | 8.6     | 10.0        | Sinh học         | 9.0      |                   |         | 6.38     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 22                                  | S K 0191    | Nguyễn Huy       | Độc                 | 16/05/2003 | Nam     | Kinh     | Gia Lai                | Tôn Đức Thắng, Pleiku     | G              | 8.2     | 10.0        | Sinh học         | 9.2      |                   |         | 6.00     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 23                                  | S T 0202    | Lê Ngân          | Giăng               | 11/03/2003 | Nữ      | Kinh     | Gia Lai                | Nguyễn Du, Pleiku         | G              | 8.9     | 1.5         | 11.5             | Sinh học | 8.9               | Toán    | 9.2      | 9.25  | Nhĩ S |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |
| 24                                  | S D 0207    | Nguyễn Thị Hương | Giăng               | 01/11/2003 | Nữ      | Kinh     | Gia Lai                | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G              | 8.8     | 10.0        | Sinh học         | 9.0      | Địa lí            | 8.9     | 4.50     |       |       |  |  |                  |  |  |  |  |  |  |

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Giao Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Người đọc điểm: Ngô Thị Hà

Người nhập điểm: Trần Đại Thắng

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Đại Thắng*

Người soát điểm thứ hai: *Trần Đại Thắng*

Mưu Văn Sơn

Giao Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ DẤU CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI</

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đồng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

Người đọc điểm: Ngô Thị Hà

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: Trần Đại Thắng

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thủ nhứt: *Đ. B. Thuận, K. B. Hoàng*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thủ hai: *Đ. B. Thuận, K. B. Hoàng*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

# Điểm thi vào 10 chuyên Sinh THPT chuyên Gia Lai năm 2018

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI  
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN  
NĂM HỌC 2018 - 2019

## BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN: SINH HỌC (Chuyên)

Hội đồng chấm thi

Phòng thi số:

20

| STT | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Đân tộc | Nơi sinh  | Học sinh trường THCS   | XL TN | Điểm TBM lớp 9 | Điểm KK | Điểm tự luận | Nguyên vọng 1 Môn | Điểm TB | Nguyên vọng 2 Môn | Điểm TB | Điểm thi | Ghi   |
|-----|-------------|------------------------|---------------------|-----------|---------|-----------|------------------------|-------|----------------|---------|--------------|-------------------|---------|-------------------|---------|----------|-------|
| 1   | S K 0219    | Nguyễn Thanh Hà        | 08/07/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Pleiku       | G     | 9.1            | 1.0     | 11.0         | Sinh học          | 9.9     |                   |         | 7.63     | Ba Sĩ |
| 2   | S D 0223    | Trần Thu Hà            | 03/06/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Phan Bội Châu, IaGrai  | G     | 8.6            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.4     | Địa lí            | 8.7     | 6.75     |       |
| 3   | S L 0229    | Nguyễn Thị Đông Hải    | 19/08/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku      | G     | 8.7            |         | 10.0         | Sinh học          | 8.5     | Vật lí            | 8.3     | 5.50     |       |
| 4   | S D 0241    | Nguyễn Minh Hằng       | 21/02/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku | G     | 8.6            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.5     | Địa lí            | 8.1     | 5.13     |       |
| 5   | S V 0242    | Nguyễn Phan Thu Hằng   | 25/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku      | K     | 8.1            |         | 7.0          | Sinh học          | 9.1     | Ngữ văn           | 8.4     | 6.75     |       |
| 6   | S K 0255    | Phạm Nguyễn Nhã Hân    | 01/01/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, Pleiku     | G     | 8.6            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.0     |                   |         | 6.00     |       |
| 7   | S K 0256    | Phạm Nguyễn Như Hân    | 01/01/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, Pleiku     | G     | 8.8            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.2     |                   |         | 8.00     |       |
| 8   | V S 0258    | Tạ Ngọc Hân            | 06/06/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Pleiku       | G     | 8.6            |         | 10.0         | Ngữ văn           | 8.3     | Sinh học          | 8.9     | 1.88     |       |
| 9   | H S 0288    | Dương Thị Mỹ Hoa       | 25/01/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Văn Cừ, Pleiku  | G     | 8.7            |         | 10.0         | Hóa học           | 9.5     | Sinh học          | 9.3     | 4.63     |       |
| 10  | D S 0291    | Phạm Thanh Hoa         | 28/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Pleiku       | K     | 8.2            |         | 8.0          | Địa lí            | 8.3     | Sinh học          | 8.9     | 2.50     |       |
| 11  | H S 0292    | Lê Thị Khánh Hòa       | 14/08/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Văn Cừ, Pleiku  | G     | 9.0            |         | 10.0         | Hóa học           | 9.8     | Sinh học          | 9.0     | 2.50     |       |
| 12  | S K 0293    | Nguyễn Thái Hòa        | 29/05/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku | G     | 8.5            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.0     |                   |         | 4.88     |       |
| 13  | S K 0306    | Nguyễn Đình Diệu Hoàng | 30/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku      | G     | 8.9            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.2     |                   |         | 5.88     |       |
| 14  | H S 0313    | Trần Vy Hoàng          | 01/01/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Tôn Đức Thắng, Pleiku  | G     | 8.8            |         | 10.0         | Hóa học           | 9.8     | Sinh học          | 9.4     | 6.00     |       |
| 15  | L S 0325    | Bùi Ngọc Huy           | 04/03/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Ngô Văn, ChưPah        | G     | 8.6            |         | 10.0         | Vật lí            | 9.1     | Sinh học          | 8.2     |          |       |
| 16  | H S 0350    | Trần Ngọc Huy          | 22/06/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Đăk Đoa      | K     | 7.9            |         | 8.0          | Hóa học           | 8.6     | Sinh học          | 7.8     |          |       |
| 17  | S K 0352    | Võ Quốc Huy            | 15/03/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, Pleiku     | G     | 9.1            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.3     |                   |         | 8.13     |       |
| 18  | S D 0359    | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 01/06/2003          | Nữ        | Kinh    | Kon Tum   | Phạm Hồng Thái, Pleiku | K     | 7.8            |         | 7.0          | Sinh học          | 8.6     | Địa lí            | 7.6     | 5.25     |       |
| 19  | S V 0362    | Phạm Thị Bảo Huyền     | 03/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Bùi Thị Xuân, Pleiku   | G     | 8.9            |         | 10.0         | Sinh học          | 8.8     | Ngữ văn           | 8.4     | 7.75     |       |
| 20  | S V 0364    | Trương Thu Huyền       | 19/07/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku | G     | 9.3            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.7     | Ngữ văn           | 8.7     | 6.25     |       |
| 21  | S K 0368    | Đặng Ngọc Hưng         | 14/11/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Trưng Vương, Pleiku    | G     | 8.1            |         | 9.0          | Sinh học          | 8.1     |                   |         | 7.00     |       |
| 22  | S K 0373    | Lê Hoàng Hưng          | 10/09/2003          | Nam       | Kinh    | Thanh Hóa | Trần Phú, Pleiku       | G     | 9.0            |         | 10.0         | Sinh học          | 9.8     |                   |         | 5.88     |       |
| 23  | S K 0381    | Phan Nguyễn Thùy Hương | 22/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Hùng Vương, IaGrai     | G     | 8.8            |         | 10.0         | Sinh học          | 8.9     |                   |         | 3.13     |       |
| 24  | S K 0383    | Lê Hồng Hương          | 07/08/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Pleiku       | K     | 7.8            |         | 5.0          | Sinh học          | 8.8     |                   |         | 5.00     |       |

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

Người đọc điểm: Ngô Thị Hà

Người nhập điểm: Trần Đại Thắng

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Văn Sơn*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Sơn*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

*Đỗ Văn Sơn*  
Mười Văn Sơn

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
KẾ DUY ĐỊNH

# Điểm thi vào 10 chuyên Sinh THPT chuyên Gia Lai năm 2018

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI  
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN  
NĂM HỌC 2018 - 2019

## BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN: SINH HỌC (Chuyên)

Hội đồng chấm thi

Phòng thi số:

21

| STT | Số báo danh | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Đân tộc | Nơi sinh  | Học sinh trường THCS      | Xếp loại | Điểm TB | Điểm TB | Điểm TB  | Điểm TB | Điểm TB  | Điểm TB | Ghi  |
|-----|-------------|-----------------------|---------------------|-----------|---------|-----------|---------------------------|----------|---------|---------|----------|---------|----------|---------|------|
| 1   | S.T. 0384   | Phạm Nguyễn Quốc Hữu  | 18/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, AyunPa        | K        | 8.2     | 8.0     | Sinh học | 8.4     | Toán     | 9.0     | 4.50 |
| 2   | S.K. 0385   | Phạm Minh Hữu         | 21/04/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Pleiku          | G        | 8.7     | 10.0    | Sinh học | 9.3     |          |         | 5.88 |
| 3   | S.K. 0390   | Đinh Hoàng Bảo Khang  | 31/03/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G        | 9.0     | 10.0    | Sinh học | 9.8     |          |         | 5.25 |
| 4   | T.S. 0404   | Thái Minh Khánh       | 12/12/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Bình Khiêm, K.Bang | G        | 8.3     | 10.0    | Toán     | 9.1     | Sinh học | 8.1     | 4.25 |
| 5   | T.S. 0426   | Trần Quang Kiệt       | 11/08/2003          | Nam       | Kinh    | Bình Định | Nguyễn Huệ, Pleiku        | G        | 8.7     | 10.0    | Toán     | 9.1     | Sinh học | 9.1     | 3.88 |
| 6   | S.H. 0430   | Đông Thị Phương Lam   | 06/06/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Văn Cừ, Pleiku     | G        | 8.9     | 9.0     | Sinh học | 9.3     | Hóa học  | 9.1     | 4.50 |
| 7   | S.T. 0438   | Nguyễn Hoàng Lâm      | 10/01/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku         | G        | 8.2     | 8.0     | Sinh học | 9.3     | Toán     | 8.3     | 4.38 |
| 8   | S.K. 0446   | Trần Thị Phương Lâm   | 28/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku         | G        | 8.3     | 10.0    | Sinh học | 9.1     |          |         | 3.00 |
| 9   | S.K. 0448   | Chu Khánh Linh        | 13/07/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G        | 8.7     | 10.0    | Sinh học | 9.4     |          |         | 4.88 |
| 10  | S.K. 0453   | Hoàng Diệu Linh       | 29/08/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Tôn Đức Thắng, Pleiku     | G        | 8.5     | 10.0    | Sinh học | 9.5     |          |         | 5.25 |
| 11  | V.S. 0454   | Hoàng Thị Huyền Linh  | 23/02/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Bái Thị Xuân, Pleiku      | G        | 8.9     | 9.0     | Ngữ văn  | 8.8     | Sinh học | 8.6     | 1.00 |
| 12  | S.V. 0456   | Lâm Diệp Linh         | 16/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Tôn Đức Thắng, Pleiku     | G        | 8.2     | 10.0    | Sinh học | 9.1     | Ngữ văn  | 7.6     | 5.38 |
| 13  | S.V. 0457   | Lê Diệp Phương Linh   | 13/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | G        | 8.7     | 10.0    | Sinh học | 9.4     | Ngữ văn  | 8.4     | 6.00 |
| 14  | S.H. 0487   | Lê Đức Thánh Lộc      | 02/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku         | G        | 9.2     | 10.0    | Sinh học | 9.4     | Hóa học  | 9.6     | 7.00 |
| 15  | S.K. 0503   | Đinh Thị Ngọc Mai     | 04/08/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku         | K        | 7.7     | 5.0     | Sinh học | 8.8     |          |         | 3.75 |
| 16  | S.K. 0506   | Nguyễn Thị Xuân Mai   | 10/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, Pleiku        | K        | 7.7     | 6.0     | Sinh học | 8.3     |          |         | 2.25 |
| 17  | H.S. 0513   | Trần Đức Mạnh         | 16/08/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Lê Văn Tâm, Pleiku        | G        | 8.0     | 9.0     | Hóa học  | 8.1     | Sinh học | 8.0     | 4.88 |
| 18  | S.V. 0514   | Nguyễn Vũ Kiều Mĩ     | 16/12/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Phạm Hồng Thái, Pleiku    | K        | 8.0     | 7.0     | Sinh học | 9.0     | Ngữ văn  | 8.8     | 0.75 |
| 19  | T.S. 0525   | Trần Công Minh        | 23/03/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Số 8/8, Đức Cơ            | G        | 8.0     | 10.0    | Toán     | 8.2     | Sinh học | 8.8     | 4.38 |
| 20  | S.V. 0539   | Vũ Quỳnh Mỹ           | 14/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Trần Phú, Pleiku          | G        | 9.3     | 10.0    | Sinh học | 9.6     | Ngữ văn  | 8.5     | 6.13 |
| 21  | L.S. 0548   | Phạm Thành Nam        | 19/08/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, Pleiku        | G        | 8.9     | 10.0    | Vật lý   | 9.0     | Sinh học | 9.3     | 4.13 |
| 22  | H.S. 0551   | Huỳnh Thị Quỳnh Nga   | 03/12/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Du, Pleiku         | G        | 8.5     | 9.0     | Hóa học  | 8.5     | Sinh học | 9.3     | 4.30 |
| 23  | H.S. 0568   | Nguyễn Thị Bích Ngân  | 04/08/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Trung Vương, Pleiku       | G        | 8.6     | 10.0    | Hóa học  | 9.5     | Sinh học | 8.6     | 3.50 |
| 24  | V.S. 0570   | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 04/05/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai   | Nguyễn Huệ, Pleiku        | G        | 8.7     | 10.0    | Ngữ văn  | 9.1     | Sinh học | 8.8     | 1.75 |

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Ngô Thị Hà

Người nhập điểm: Trần Đại Thắng

Người soát điểm thứ nhất: *Đ. H. Trần Văn Hoàng*

Người soát điểm thứ hai: *V. S. S. Đức Thuận*

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018  
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH  
*Minh Văn Sơn*

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
*Lê Duy Định*

# Điểm thi vào 10 chuyên Sinh THPT chuyên Gia Lai năm 2018

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI  
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN  
NĂM HỌC 2018 - 2019

## BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN: SINH HỌC (Chuyên)

Hội đồng chấm thi

Phòng thi số:

22

| STT | Số báo danh | Họ và tên                | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh   | Học sinh trường THCS     | NL TN | Điểm TEM lớp 9 | Điểm KC | trình độ tuyển | Nguyên vọng1 Môn | Điểm TB | Nguyên vọng2 Môn | Điểm TB | Điểm thi | Gi |
|-----|-------------|--------------------------|---------------------|-----------|---------|------------|--------------------------|-------|----------------|---------|----------------|------------------|---------|------------------|---------|----------|----|
| 1   | V S 0582    | Hoàng Tử Hoàng Nghi      | 27/03/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8.7            |         | 10.0           | Ngữ văn          | 8.8     | Sinh học         | 9.4     | 4.63     |    |
| 2   | S B 0598    | Nguyễn Như Ngọc          | 17/10/2003          | Nữ        | Bahmar  | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8.5            |         | 10.0           | Sinh học         | 10.0    | Lịch sử          | 9.3     | 7.63     |    |
| 3   | S H 0627    | Nguyễn Trương Trà Nguyễn | 14/12/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8.6            |         | 7.0            | Sinh học         | 8.9     | Hóa học          | 8.3     | 2.63     |    |
| 4   | T S 0632    | Trần Thị Gia Nguyễn      | 14/12/2002          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 9.0            |         | 10.0           | Toán             | 9.3     | Sinh học         | 9.6     | 4.50     |    |
| 5   | S K 0648    | Phan Quang Nhật          | 16/09/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai    | Nguyễn Văn Xuân, Pleiku  | G     | 8.7            | 1.0     | 11.0           | Sinh học         | 9.5     |                  |         | 8.75     | Ba |
| 6   | S V 0658    | Nguyễn Hoàng Châu Nhi    | 14/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 9.1            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.7     | Ngữ văn          | 8.1     | 8.25     |    |
| 7   | S K 0660    | Nguyễn Lê Yên Nhi        | 12/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Thị trấn Phú Hòa, ChưPăh | G     | 9.0            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.6     |                  |         | 4.88     |    |
| 8   | S K 0663    | Nguyễn Yên Nhi           | 25/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8.4            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.6     |                  |         | 5.13     |    |
| 9   | S K 0677    | Nguyễn Huỳnh Anh Nhung   | 21/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 9.0            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.5     |                  |         | 6.13     |    |
| 10  | S K 0680    | Trịnh Ngô Hồng Nhung     | 21/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trương Vương, Pleiku     | G     | 8.6            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.3     |                  |         | 4.00     |    |
| 11  | T S 0705    | Nguyễn Đình Phúc         | 21/04/2003          | Nam       | Kinh    | Quảng Ngãi | Tôn Đức Thắng, Pleiku    | K     | 7.3            |         | 5.0            | Toán             | 8.1     | Sinh học         | 7.5     | 1.38     |    |
| 12  | S D 0709    | Phan Tấn Hoàng Phúc      | 18/10/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai    | Nguyễn Du, Pleiku        | G     | 8.3            |         | 10.0           | Sinh học         | 8.5     | Địa lí           | 8.3     | 5.75     |    |
| 13  | S V 0727    | Nguyễn Thị Mai Phương    | 06/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8.7            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.3     | Ngữ văn          | 7.4     | 4.00     |    |
| 14  | D S 0729    | Phạm Thị Thu Phương      | 12/07/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8.3            |         | 10.0           | Địa lí           | 8.4     | Sinh học         | 9.5     | 4.25     |    |
| 15  | S K 0744    | Hoàng Trọng Quân         | 11/07/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai    | Lê Văn Tâm, Pleiku       | G     | 8.1            |         | 8.0            | Sinh học         | 8.3     |                  |         | 6.25     |    |
| 16  | S K 0766    | Dương Như Quỳnh          | 04/03/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Lý Tự Trọng, Pleiku      | G     | 9.0            | 0.5     | 10.5           | Sinh học         | 9.6     |                  |         | 8.38     | KK |
| 17  | S V 0767    | Đào Thị Diễm Quỳnh       | 02/05/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Tôn Đức Thắng, IaGrai    | G     | 8.5            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.2     | Ngữ văn          | 8.1     | 7.00     |    |
| 18  | S K 0801    | Nguyễn Thiện Tâm         | 08/09/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 9.2            |         | 10.0           | Sinh học         | 9.5     |                  |         | 5.13     |    |
| 19  | T S 0814    | Mai Đức Thanh            | 06/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai    | Nguyễn Du, Pleiku        | G     | 9.3            |         | 10.0           | Toán             | 9.6     | Sinh học         | 8.8     | 7.88     |    |
| 20  | H S 0823    | Trần Khang Thành         | 19/11/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai    | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 9.0            |         | 10.0           | Hóa học          | 9.7     | Sinh học         | 9.5     | 4.50     |    |
| 21  | S K 0825    | Bùi Thị Bích Thảo        | 24/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trần Hưng Đạo, IaGrai    | G     | 8.0            |         | 9.0            | Sinh học         | 8.2     |                  |         | 4.00     |    |
| 22  | L S 0827    | Hồ Ngọc Thanh Thảo       | 06/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Bình Định  | Nguyễn Du, Pleiku        | G     | 8.3            |         | 8.0            | Vật lí           | 8.9     | Sinh học         | 8.7     | 2.63     |    |
| 23  | H S 0839    | Nguyễn Vy Thảo           | 05/04/2003          | Nữ        | Kinh    | Bình Định  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8.8            |         | 10.0           | Hóa học          | 9.5     | Sinh học         | 9.8     | 7.63     |    |
| 24  | V S 0839    | Nguyễn Phan Khánh Thi    | 13/02/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai    | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8.3            |         | 10.0           | Ngữ văn          | 8.5     | Sinh học         | 9.3     | 2.13     |    |

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Ngô Thị Hà

Người nhập điểm: Trần Đại Thắng

Người soát điểm thứ nhất: Lê... H. Trần... Trần... Hoàng

Người soát điểm thứ hai: Lê... H. Trần... Trần... Hoàng

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018  
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH  
Mai Văn Sơn

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Lê Duy Định

# Điểm thi vào 10 chuyên Sinh THPT chuyên Gia Lai năm 2018

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI  
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN  
NĂM HỌC 2018 - 2019

## BẢNG GHI ĐIỂM THI MÔN: SINH HỌC (Chuyên)

Hội đồng chấm thi

Phòng thi số: 23

| STT | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Nơi sinh | Học sinh trường THCS     | SL TN | Điểm TN lớp 9 | Điểm KK | Điểm tự luận | Nguyên vọng 1 Môn | Điểm TB | Nguyên vọng 2 Môn | Điểm TB | Điểm thi | Gi   |
|-----|-------------|------------------------|---------------------|-----------|---------|----------|--------------------------|-------|---------------|---------|--------------|-------------------|---------|-------------------|---------|----------|------|
| 1   | V S 0861    | Phùng Minh Thái        | 05/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Lý Tư Trọng, Pleiku      | G     | 8,3           |         | 10,0         | Ngữ văn           | 8,6     | Sinh học          | 8,0     | 4,80     |      |
| 2   | S D 0881    | Võ Xuân Thuận          | 28/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Võ Thị Sáu, Đăk Đoa      | G     | 8,7           |         | 10,0         | Sinh học          | 8,6     | Địa lí            | 9,3     | 4,88     |      |
| 3   | S K 0882    | Nguyễn Sỹ Thủy         | 26/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8,9           |         | 10,0         | Sinh học          | 9,6     |                   |         | 7,63     |      |
| 4   | S V 0894    | Phạm Hoàng Anh Thư     | 28/06/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Tôn Đức Thắng, Pleiku    | G     | 8,0           |         | 10,0         | Sinh học          | 8,7     | Ngữ văn           | 7,9     | 4,88     |      |
| 5   | H S 0912    | Nguyễn Thị Thủy Tiên   | 25/12/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Tôn Đức Thắng, Ia Grai   | K     | 7,9           |         | 5,0          | Hóa học           | 8,3     | Sinh học          | 7,9     | 4,75     |      |
| 6   | S H 0913    | Phạm Ngọc Thủy Tiên    | 03/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Nguyễn Việt Xuân, Pleiku | G     | 8,1           |         | 10,0         | Sinh học          | 8,5     | Hóa học           | 7,6     | 7,25     |      |
| 7   | T S 0918    | Lê Hữu Tiên            | 28/01/2003          | Nam       | Kinh    | Kon Tum  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8,3           |         | 7,0          | Toán              | 8,1     | Sinh học          | 9,4     | 5,00     |      |
| 8   | S K 0921    | Trần Anh Tiên          | 24/08/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Nguyễn Việt Xuân, Pleiku | K     | 7,7           |         | 5,0          | Sinh học          | 8,3     |                   |         | 5,75     |      |
| 9   | S K 0924    | Nguyễn Hữu Tân         | 24/12/2003          | Nam       | Kinh    | Vũng Tàu | Nguyễn Chí Thanh, Pleiku | G     | 9,2           | 1,0     | 11,0         | Sinh học          | 9,4     |                   |         | 7,00     | Đa t |
| 10  | S K 0931    | Dương Lê Huyền Trang   | 02/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8,0           |         | 7,0          | Sinh học          | 8,5     |                   |         | 3,63     |      |
| 11  | S K 0942    | Nguyễn Thị Quỳnh Trang | 5/10/2003           | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8,5           |         | 9,0          | Sinh học          | 9,3     |                   |         | 3,90     |      |
| 12  | S V 0958    | Nguyễn Ngọc Trâm       | 28/05/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Nguyễn Huệ, Pleiku       | G     | 8,5           |         | 10,0         | Sinh học          | 8,1     | Ngữ văn           | 8,9     | 3,88     |      |
| 13  | S K 0963    | Nguyễn Hoài Bảo Trâm   | 24/06/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Nguyễn Du, Pleiku        | K     | 7,6           |         | 6,0          | Sinh học          | 8,7     |                   |         | 5,63     |      |
| 14  | S K 0964    | Nguyễn Quỳnh Bảo Trâm  | 07/11/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Nguyễn Du, Pleiku        | G     | 8,3           |         | 10,0         | Sinh học          | 9,1     |                   |         | 5,13     |      |
| 15  | T S 0968    | Hoàng Trọng Trí        | 08/10/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8,7           |         | 10,0         | Toán              | 9,1     | Sinh học          | 8,8     | 4,88     |      |
| 16  | S T 0969    | Phan Minh Trí          | 04/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Trương Vương, Pleiku     | G     | 8,5           |         | 10,0         | Sinh học          | 9,3     | Toán              | 8,5     | 5,00     |      |
| 17  | V S 0976    | Phan Thị Tú Trinh      | 07/08/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Anh hùng Wua, Pleiku     | G     | 8,5           |         | 10,0         | Ngữ văn           | 8,7     | Sinh học          | 8,3     | 1,75     |      |
| 18  | H S 0991    | Vì Thanh Trúc          | 20/03/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8,9           |         | 10,0         | Hóa học           | 9,3     | Sinh học          | 9,7     | 5,75     |      |
| 19  | S V 1032    | Nguyễn Phạm Thảo Vân   | 01/01/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Trần Phú, Pleiku         | G     | 8,4           |         | 10,0         | Sinh học          | 9,0     | Ngữ văn           | 7,6     | 4,25     |      |
| 20  | S K 1034    | Trần Thanh Hải Văn     | 24/10/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | K     | 7,7           |         | 5,0          | Sinh học          | 8,8     |                   |         | 4,63     |      |
| 21  | S D 1041    | Lê Hoàng Viên          | 04/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Võ Thị Sáu, Đăk Đoa      | G     | 8,6           |         | 10,0         | Sinh học          | 9,2     | Địa lí            | 8,5     | 5,38     |      |
| 22  | H S 1045    | Đào Thế Vinh           | 13/02/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Tôn Đức Thắng, Pleiku    | G     | 8,9           |         | 10,0         | Hóa học           | 9,5     | Sinh học          | 9,3     |          |      |
| 23  | S K 1053    | Phạm Chí Vinh          | 20/12/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Nguyễn Huệ, AyanPa       | G     | 8,7           | 1,5     | 10,0         | Sinh học          | 9,3     |                   |         | 8,88     | Nữ   |
| 24  | S K 1061    | Nguyễn Hoàng Vũ        | 03/01/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Chu Văn An, Mang Yang    | G     | 8,5           |         | 8,0          | Sinh học          | 8,4     |                   |         | 6,13     |      |
| 25  | H S 1062    | Hoàng Quang Vương      | 14/10/2003          | Nam       | Kinh    | Gia Lai  | Phạm Hồng Thái, Pleiku   | G     | 8,2           |         | 8,0          | Hóa học           | 8,8     | Sinh học          | 8,8     | 3,88     |      |
| 26  | S H 1077    | Phạm Thủy Vy           | 25/05/2003          | Nữ        | Kinh    | Gia Lai  | Trương Vương, Pleiku     | G     | 8,6           |         | 10,0         | Sinh học          | 8,8     | Hóa học           | 9,4     | 4,63     |      |

(Danh sách này gồm 26 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm: Ngô Thị Hà

Người nhập điểm: Trần Đại Thắng

Người soát điểm thứ nhất: *[Chữ ký]*

Người soát điểm thứ hai: *[Chữ ký]*

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

*[Chữ ký]*  
Mười Văn Sơn

Gia Lai, ngày 15 tháng 6 năm 2

*[Chữ ký]*  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TÀI CHỨC

Xem thêm các điểm thi khác: <https://doctailieu.com/diem-thi-vao-lop-10/gia-lai-10.html>